

QUỐC HỘI
Số: 6-LCT/HĐNN7

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 1981

LUẬT

VỀ SĨ QUAN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Để góp phần xây dựng Quân đội nhân dân chính quy và hiện đại, tăng cường quốc phòng, bảo đảm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

Để xác định trách nhiệm, nâng cao ý chí chiến đấu, tinh tổ chức và tính kỷ luật của sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam;

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 83 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật này quy định về sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam là cán bộ quân đội được Nhà nước phong quân hàm cấp Tướng, cấp Tá, cấp Úy.

Điều 2

Sĩ quan Quân đội nhân dân gồm có:

- Sĩ quan chỉ huy, tham mưu,
- Sĩ quan chính trị,
- Sĩ quan hậu cần và tài chính,
- Sĩ quan kỹ thuật,

5- Sĩ quan quân y và thú y,

6- Sĩ quan quân pháp,

7- Sĩ quan hành chính.

Điều 3

Sĩ quan Quân đội nhân dân chia thành hai ngạch: sĩ quan tại ngũ và sĩ quan dự bị.

Điều 4

Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đủ tiêu chuẩn về chính trị, văn hoá, sức khoẻ, tuổi và có khả năng hoạt động trong lĩnh vực quân sự thì có thể được đào tạo thành sĩ quan.

Điều 5

Những người sau đây được chọn để bổ sung cho đội ngũ sĩ quan tại ngũ:

Quân nhân tốt nghiệp các trường đào tạo sĩ quan,

Hạ sĩ quan hoàn thành tốt nhiệm vụ trong chiến đấu,

Quân nhân làm công tác chuyên môn, kỹ thuật tốt nghiệp đại học,

Cán bộ các ngành ngoài quân đội và phục vụ trong quân đội được bổ nhiệm giữ chức vụ sĩ quan,

Sĩ quan dự bị.

Điều 6

Sĩ quan có quyền và nghĩa vụ của công dân quy định trong Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

CHƯƠNG II

QUÂN HÀM VÀ CHỨC VỤ CỦA SĨ QUAN

Điều 7

Hệ thống quân hàm sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam được quy định như sau:

1- Cấp Tướng có 4 bậc:

Đại tướng,

Thượng tướng, Đô đốc hải quân,

Trung tướng, Phó đô đốc hải quân,

Thiếu tướng, Chuẩn đô đốc hải quân.

2- Cấp Tá có 3 bậc:

Đại tá,

Trung tá,

Thiếu tá.

3- Cấp Úy có 4 bậc:

Đại úy,

Thượng úy,

Trung úy,

Thiếu úy.

Điều 8

Việc xét phong, thăng cấp bậc quân hàm cho sĩ quan phải căn cứ vào cấp bậc quân hàm được quy định cho từng chức vụ, phẩm chất cách mạng, năng lực công tác và thời hạn ở cấp bậc hiện tại.

Sĩ quan ở mỗi chức vụ hay cấp bậc đều phải học xong chương trình huấn luyện do Bộ trưởng Bộ quốc phòng quy định.

Điều 9

Thời hạn để xét thăng quân hàm quy định như sau:

Thiếu úy lên trung úy: 2 năm;

Trung úy lên thượng úy: 2 năm;

Thượng úy lên đại úy: 3 năm;

Đại úy lên thiếu tá: 4 năm;

Thiếu tá lên trung tá: 4 năm;

Trung tá lên đại tá: 5 năm;

Việc xét thăng quân hàm cấp Tướng không quy định thời hạn.

Thời gian học tập tại trường được tính vào thời hạn để xét thăng quân hàm.

Trong thời chiến, thời hạn xét thăng quân hàm được rút ngắn hơn, do Hội đồng bộ trưởng quy định.

Điều 10

Sĩ quan có thành tích trong chiến đấu, công tác và sĩ quan công tác ở những nơi khó khăn, gian khổ hoặc làm những nhiệm vụ đặc biệt mà hoàn thành tốt chức trách được giao thì được xét thăng quân hàm trước khi đủ thời hạn.

Điều 11

Sĩ quan đến thời hạn xét thăng quân hàm mà chưa đủ điều kiện thì thời hạn xét được kéo dài nhiều nhất là một niên hạn nữa; nếu vẫn không đủ điều kiện để xét thì được chuyển sang ngạch dự bị.

Điều 12

Hệ thống chức vụ trong quân đội do Hội đồng bộ trưởng quy định căn cứ vào tổ chức quân đội trong từng giai đoạn và trình Hội đồng Nhà nước phê chuẩn.

Mỗi chức vụ được quy định hai bậc quân hàm.

Điều 13

Việc bổ nhiệm sĩ quan giữ các chức vụ phải căn cứ vào nhu cầu biên chế, phẩm chất cách mạng, năng lực công tác, sức khoẻ và ngành đào tạo.

Điều 14

Quyền bổ nhiệm chức vụ, phong và thăng quân hàm quy định như sau:

Hội đồng Nhà nước bổ nhiệm các chức vụ Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị; phong và thăng quân hàm cấp bậc Đại tướng, Thượng tướng, Đô đốc hải quân.

Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng bổ nhiệm các chức vụ Thứ trưởng Bộ quốc phòng, Phó Tổng tham mưu trưởng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục chính trị, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm các Tổng cục khác, Tổng thanh tra và Phó Tổng thanh tra quân đội, Tư lệnh và Phó Tư lệnh quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và các chức vụ tương đương; phong và thăng cấp bậc Trung tướng, Phó đô đốc hải quân, Thiếu tướng, Chuẩn đô đốc hải quân.

Bộ trưởng Bộ quốc phòng bổ nhiệm các chức vụ Sư đoàn trưởng, Cục trưởng và các chức vụ tương đương trở xuống; phong và thăng cấp bậc từ Thiếu úy đến Đại tá.

Cấp có quyền bổ nhiệm chức vụ và phong hoặc thăng cấp bậc nào thì được quyền giáng chức, giáng cấp, cách chức và tước quân hàm sĩ quan cấp bậc ấy.

Điều 15

Cấp có quyền bổ nhiệm chức vụ nào thì được quyền điều động sĩ quan giữ chức vụ ấy, Bộ trưởng Bộ quốc phòng được quyền điều động Phó Tư lệnh quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và các chức vụ tương đương.

Điều 16

Trong trường hợp khẩn cấp, sĩ quan giữ chức vụ từ Trung đoàn trưởng trở lên được quyền đình chỉ chức vụ đối với sĩ quan dưới quyền, và tạm thời chỉ định người khác thay thế, nhưng phải báo cáo ngay lên cấp có thẩm quyền xét duyệt.

Điều 17

Việc thăng hoặc giáng cấp bậc sĩ quan, mỗi lần chỉ được một bậc; trong trường hợp đặc biệt mới được thăng hoặc giáng nhiều bậc.

Điều 18

Sĩ quan có thể được giao chức vụ cao hơn hoặc thấp hơn cấp bậc quân hàm đã được quy định.

Sĩ quan có thể được giao chức vụ thấp hơn trong những trường hợp sau đây:

- 1- Để tăng cường chỉ huy đối với những đơn vị cần thiết;
- 2- Đơn vị giảm biên chế hoặc thay đổi về cơ cấu tổ chức;
- 3- Năng lực hoặc sức khỏe của sĩ quan không đảm đương được chức vụ hiện tại.

Điều 19

Đối với sĩ quan đã bị giáng cấp bậc thì niên hạn để xét thăng quân hàm tính từ ngày bị giáng.

Sĩ quan bị giáng cấp bậc quân hàm, nếu tiến bộ hoặc có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, công tác thì thời hạn xét thăng cấp bậc quân hàm có thể được rút ngắn hơn so với thời hạn quy định ở Điều 9.

Điều 20

Sĩ quan tại ngũ được Bộ quốc phòng cử đến công tác ở những ngành ngoài quân đội gọi là sĩ quan biệt phái.

Sĩ quan biệt phái có nghĩa vụ và quyền lợi như sĩ quan ở đơn vị. Chế độ đối với sĩ quan biệt phái do Hội đồng bộ trưởng quy định.

Điều 21

Sĩ quan có cấp bậc quân hàm cao hơn là cấp trên của sĩ quan có cấp bậc quân hàm thấp hơn.

Trong trường hợp một sĩ quan giữ chức vụ phụ thuộc vào một sĩ quan khác có cấp bậc quân